

ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VỀ DỰ ÁN QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

Đoàn Thị Hân¹

TÓM TẮT

Dự án quản lý cộng đồng trong chương trình nông thôn mới (NTM) được tài trợ bởi Tổ chức Bánh mì cho Thế giới (BFDW). Mục đích của Dự án nhằm xây dựng năng lực tự quản lý của người dân địa phương trong việc nhận diện và giải quyết các vấn đề phát triển của địa phương. Dự án đã triển khai thực hiện tại 6 thôn thuộc 2 xã Mỹ Thanh và Đôn Phong của huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn, chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản,... với gần 3.500 người dân được hưởng lợi. Để đánh giá sự hài lòng của người dân về Dự án, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA). Kết quả phân tích cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng lớn đến mức độ hài lòng của người dân: Người dân được biết đầy đủ các thông tin về Dự án; người dân kiểm tra, giám sát các hoạt động trong quá trình thực hiện; người dân hưởng lợi từ chính những công trình, dự án mà mình đóng góp, thực hiện; người dân được bàn bạc các vấn đề để thực hiện, được chủ động tham gia vào quá trình thực hiện; chính người dân sẽ lập kế hoạch để thực hiện phù hợp với năng lực và tài nguyên của họ.

Từ khoá: Sự hài lòng của người dân, nông thôn mới, quản lý cộng đồng.

1. MỞ ĐẦU

Trong giai đoạn vừa qua, Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) trên cả nước nói chung và trên địa bàn huyện Bạch Thông nói riêng đã đạt được những kết quả tích cực: đời sống người dân được nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần, hệ thống hạ tầng nông thôn được cải thiện... Để đạt được những kết quả đó, đòi hỏi phải phát huy tính sáng tạo, huy động sự tham gia của các cấp, các ngành và toàn xã hội..., trong đó chủ thể thực hiện chương trình chính là người dân.

Người dân là chủ thể xây dựng NTM, với phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi". Đây cũng chính là tinh thần của phương pháp Quản lý cộng đồng trong Dự án Quản lý cộng đồng chương trình NTM (sau đây gọi là Dự án) được thực hiện trên địa bàn huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn thời gian vừa qua. Dự án được thực hiện với sự phối hợp giữa Tổ chức Phi Chính phủ DWC, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và chính quyền địa phương. Nguồn vốn để thực hiện do Tổ chức Bánh mì cho Thế giới tài trợ, vốn

đối ứng của địa phương và đặc biệt là sự tham gia đóng góp, trực tiếp thực hiện của người dân ở các thôn, bản được hưởng lợi từ Dự án. Họ sẽ thực hiện các công trình xây dựng quy mô nhỏ với cơ chế đặc thù theo tinh thần của Nghị định 161/2016/NĐ-CP. Dự án nhóm C quy mô nhỏ phải đảm bảo 6 tiêu chí: Thuộc nội dung đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng; dự án nằm trên địa bàn 1 xã do UBND xã quản lý; kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình; sử dụng một phần ngân sách nhà nước, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân. Phần kinh phí đóng góp của nhân dân có thể bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền [1]; thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do UBND cấp tỉnh ban hành.

Để đánh giá kết quả thực hiện Dự án, sự hài lòng của người dân chính là "thước đo", thực hiện lấy ý kiến trực tiếp từ người dân về những nội dung trong quá trình thực hiện dự án. Đây cũng là một trong những nội dung cần thực hiện để làm căn cứ đánh giá những kết quả đạt được của Dự án này.

¹ Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp

*Email: handt@vnuf.edu.vn

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**2.1. Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu**

** Số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn:*

Các văn bản pháp luật của Nhà nước; văn bản, quy định của tỉnh Bắc Kạn và huyện Bạch Thông có liên quan đến thực hiện chương trình xây dựng NTM.

Báo cáo thực hiện Dự án Quản lý cộng đồng (QLCĐ) trong chương trình NTM tại huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

** Thu thập số liệu sơ cấp:*

Để thu thập được số liệu phục vụ cho nội dung nghiên cứu, đã chọn 2 xã để thực hiện Dự án trên địa bàn huyện Bạch Thông là Mỹ Thanh và Đôn Phong.

Mỗi xã, tiến hành khảo sát người dân ở 3 thôn Dự án. Tổng khảo sát tại 6 thôn, tổng số phiếu khảo sát đáp ứng yêu cầu là 105 phiếu.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu sau khi thu thập sẽ được xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS 22. Sau đó sẽ được tổng hợp và thể hiện kết quả bằng các bảng số liệu.

Phương pháp phân tích số liệu: Phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh. Ngoài ra, để đánh giá sự hài lòng của người dân với Dự án, đã sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) để phân tích các nhân tố có quyết định đến sự hài lòng của người dân, cũng chính là những người thụ hưởng kết quả thực hiện của Dự án.

Để đánh giá độ tin cậy của thang đo, hệ số Cronbach's alpha được sử dụng để đánh giá đồng thời loại bỏ các biến rác trước khi tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Các biến có hệ số tương quan tổng - biến (Corrected item total correlation) nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại. Một thang đo có độ tin cậy tốt khi nó biến thiên trong khoảng 0,70 - 0,80. Nếu Cronbach alpha $\geq 0,60$ là thang đo có thể chấp nhận được về mặt tin cậy [3]. Sau khi đánh giá sơ bộ thang đo và độ tin cậy của các biến quan sát bằng hệ số Cronbach's Alpha, các biến này được đưa vào kiểm định trong phân tích EFA để đánh giá giá trị hội tụ và giá trị phân biệt của thang đo

Phân tích nhân tố khám phá (EFA): Phương pháp phân tích nhân tố khám phá được sử dụng để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về Dự án. Phương pháp phân tích EFA

thuộc nhóm phân tích đa biến phụ thuộc lẫn nhau (interdependence techniques), nghĩa là không có biến phụ thuộc và biến độc lập mà nó dựa vào mối tương quan giữa các biến với nhau (interrelationships). EFA dùng để phân tích một tập k biến quan sát thành một tập (số tập $<k$) các nhân tố ý nghĩa hơn. Cơ sở của việc này dựa vào mối quan hệ tuyến tính của các nhân tố với các biến quan sát. Số lượng các nhân tố cơ sở tùy thuộc vào mô hình nghiên cứu, trong đó chúng ràng buộc nhau bằng cách xoay các vector giao nhau để không xảy ra hiện tượng tương quan.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**3.1. Giới thiệu về Dự án**

Dự án QLCĐ trong chương trình NTM được tài trợ bởi Tổ chức Bánh mì cho Thế giới (BFDW) – Cộng hòa Liên bang Đức, có thời gian thực hiện từ tháng 10/2018 đến tháng 9/2021, tại 18 thôn khó khăn của 6 xã, thuộc 3 huyện: Than Uyên (Lai Châu), Bạch Thông (Bắc Kạn) và Bá Thước (Thanh Hóa). Tổng kinh phí thực hiện dự án là hơn 19,2 tỷ đồng.

Về mục tiêu: Dự án được thực hiện với mục tiêu xây dựng năng lực tự quản lý của người dân địa phương trong việc nhận diện và giải quyết các vấn đề phát triển của địa phương. Giúp người dân thực hiện quyền tham gia lập kế hoạch, triển khai, giám sát và quản lý các công trình dưới 5 tỷ đồng trên địa bàn xã được thực hiện từ nguồn vốn của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM.

Bám sát mục tiêu đề ra, những năm qua, đơn vị thực hiện dự án đã tập trung triển khai nhiều nội dung, giải pháp liên quan đến vấn đề về xây dựng và nâng cao năng lực QLCĐ trong xây dựng NTM tại các địa phương được triển khai thực hiện dự án. Qua đó, từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2021, dự án đã xây dựng năng lực cho 40 giảng viên nguồn về QLCĐ và xây dựng hướng dẫn thực hiện QLCĐ; nhân rộng mô hình QLCĐ tại 3 huyện nằm trong vùng thực hiện dự án, từ đó quảng bá, chia sẻ và nâng cao năng lực trong QLCĐ.

Các hoạt động về QLCĐ trong triển khai Dự án mà người dân ở các thôn, bản thực hiện, theo quy trình bảng 1.

Trong toàn bộ quy trình thực hiện, người dân là chủ thể, chủ động tham gia và điều hành, thực hiện, các bước thực hiện theo trình tự và thực hiện một

cách công khai, minh bạch. Người dân trong thôn công việc phù hợp với khả năng của mình. đều có quyền tham gia như nhau, được phân công

Bảng 1. Quy trình thực hiện QLCD trong NTM

TT	Nội dung	Diễn giải
Bước 1	Lập kế hoạch	Lập kế hoạch là bước đầu tiên và quan trọng nhằm đảm bảo đáp ứng đúng nhu cầu và nguồn lực của người dân, phù hợp với quy hoạch của cấp xã, phù hợp với định hướng phân bổ ngân sách từ cấp trên để đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của cấp xã. Ở bước này, người dân được tiến hành họp bàn các nội dung để thực hiện các tiểu dự án.
Bước 2	Nâng cao năng lực	Đối tượng: Ban quản lý dự án xã, Ban phát triển thôn, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, đại diện cộng đồng. Về các nội dung: Quy trình thực hiện dự án đầu tư áp dụng cơ chế đặc thù trong chương trình mục tiêu quốc gia; lập hồ sơ xây dựng công trình và một số kỹ thuật đơn giản trong xây dựng công trình nhóm C quy mô nhỏ; theo dõi giám sát, đánh giá và nghiệm thu công trình; các thủ tục tài chính: thu thập hoá đơn, chứng từ hợp lệ và hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán; lồng ghép giới và thích ứng biến đổi khí hậu trong dự án.
Bước 3	Lập hồ sơ xây dựng công trình	Các dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản (gọi tắt là hồ sơ xây dựng công trình) thay cho báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
Bước 4	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình	UBND xã chịu trách nhiệm thẩm định và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình.
Bước 5	Lựa chọn nhà thầu	Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương được coi là có tư cách hợp lệ để tham gia thực hiện các gói thầu quy định tại Điều 27 của Luật Đấu thầu khi người dân thuộc cộng đồng dân cư hoặc tổ, nhóm thợ, tổ chức đoàn thể sinh sống, cư trú trên địa bàn triển khai gói thầu và được hưởng lợi từ gói thầu.
Bước 6	Thực hiện và giám sát	UBND xã có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ thi công. Ban Quản lý xã, Ban giám sát đầu tư cộng đồng của xã có trách nhiệm giám sát cộng đồng/tổ chức thực hiện thi công công trình, thu thập hoá đơn, chứng từ và ghi chép sổ sách.
Bước 7	Nghiệm thu, công khai tài chính	Nghiệm thu công trình hoàn thành, bàn giao cho UBND xã; Công khai toàn bộ khâu tài chính trong cuộc họp thôn khi kết thúc các công trình; Những người được giao trách nhiệm từng nội dung có trách nhiệm giải trình đầy đủ những ý kiến của người dân trong thôn.
Bước 8	Thanh quyết toán	Trách nhiệm thực hiện: UBND xã hoàn thiện các thủ tục thực hiện thanh quyết toán công trình. Phối hợp với nhà thầu/cộng đồng thực hiện công trình để hoàn thiện các thủ tục này.

Nguồn: DWC [2]

Tính đến tháng 12/2020, Dự án đã thực hiện thẩm định và tự quản được 110 tiểu dự án cộng đồng.

3.2. Kết quả đạt được của Dự án QLCD trong chương trình NTM tại huyện Bạch Thông

Dự án đã triển khai thực hiện tại 6 thôn của 2 xã Mỹ Thanh và Đôn Phong, chủ yếu thực hiện các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản

như đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, đường ngõ xóm, nhà văn hoá, công trình thủy lợi, xây dựng cầu qua suối,... với gần 3.500 người dân được hưởng lợi.

Từ khi Dự án khai thực hiện đến hết tháng 6/2021, tại 6 thôn của 02 xã Mỹ Thanh và Đôn Phong, với gần 3.500 người dân được hưởng lợi, có 9

giảng viên nguồn được đào tạo và cấp chứng chỉ về QLCD và quản lý tài chính trong xây dựng NTM, 60 thành viên nhóm nông cốt được đào tạo phương pháp QLCD, thực hiện thành công 41 công trình (trong đó, tính đến tháng 6/2021 xã Đôn Phong thực hiện được 25 công trình, dự án; xã Mỹ Thanh thực hiện được 16 công trình, dự án) với tổng kinh phí trên 3,3 tỷ đồng, trong đó Tổ chức Bánh mì cho Thế giới hỗ trợ 1.598.000.000 đồng, ngân sách huyện đối ứng 392.000.000 đồng, còn lại do người dân đóng góp bằng tiền, ngày công, hiện vật.

Kết quả huy động nguồn lực, sự đóng góp và thực hiện các công trình của người dân tại 2 xã Đôn Phong và Mỹ Thanh thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả huy động và nguồn lực thực hiện Dự án QLCD trong Chương trình NTM huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (10/2018 - 6/2021)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Hỗ trợ từ dự án	1.598.000.000	47,97
2	Nguồn NSNN đối ứng	392.000.000	11,77
3	Người dân đóng góp	1.341.301.000	40,26
	<i>Góp tiền</i>	<i>68.171.000</i>	<i>2,05</i>
	<i>Góp công</i>	<i>1.200.600.000</i>	<i>36,04</i>
	<i>Hiện vật</i>	<i>72.530.000</i>	<i>2,18</i>
Tổng		3.331.301.000	100

Nguồn: DWC [2]

Bảng 2 cho thấy, trong quá trình thực hiện 41 công trình trong Dự án trên địa bàn 2 xã Đôn Phong và Mỹ Thanh, tổng kinh phí để thực hiện là 3.331.301.000 đồng, trong đó: Dự án hỗ trợ 1.598.000.000 đồng, chiếm 47,97% tổng kinh phí; ngân sách nhà nước đối ứng 392.000.000 đồng, chiếm 11,77% và người dân trên địa bàn đóng góp 1.341.301.000 đồng, chiếm 40,26% (không thống kê diện tích đất do người dân hiến). Qua kết quả về huy động nguồn lực trên cho thấy, khi áp dụng phương pháp QLCD vào thực hiện chương trình NTM, việc huy động sự tham gia thực hiện, đóng góp của người dân đạt hiệu quả cao.

3.3. Đánh giá sự hài lòng của người dân về Dự án QLCD trong chương trình NTM

Mô hình phân tích để đánh giá được xây dựng dựa theo tinh thần lấy dân làm gốc, thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng [4]. Đây cũng chính là tinh thần khi thực hiện theo phương pháp QLCD.

Nhằm phát huy vai trò làm chủ của người dân, người dân tham gia trong tất cả các hoạt động bắt đầu từ xác định và lựa chọn nội dung ưu tiên đầu tư, góp công góp của trong quá trình xây dựng, giám sát thực hiện các công trình và hưởng lợi từ các công trình đó. Chính vì vậy, nội dung: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi là những nhân tố cơ bản tác động đến mức độ sự hài lòng của người dân trong xây dựng NTM.

Để nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về Dự án, đã xây dựng 5 giả thiết như sau:

Giả thiết 1 (A): Nếu người dân được cung cấp thông tin đầy đủ về Dự án QLCD trong Chương trình NTM, họ sẽ hài lòng về kết quả thực hiện.

Giả thiết 2 (B): Nếu người dân được bàn bạc về quá trình thực hiện Dự án QLCD trong Chương trình NTM, họ sẽ hài lòng về kết quả thực hiện.

Giả thiết 3 (C): Nếu người dân được tạo điều kiện đóng góp, tham gia thực hiện Dự án QLCD trong Chương trình NTM, sẽ hài lòng về kết quả thực hiện.

Giả thiết 4 (D): Nếu người dân được tham gia kiểm tra, giám sát trong quá trình Dự án QLCD trong Chương trình NTM, họ sẽ hài lòng về kết quả thực hiện.

Giả thiết 5 (E): Nếu người dân được hưởng thụ những thành quả từ Dự án QLCD trong Chương trình NTM, họ sẽ hài lòng về kết quả thực hiện.

Sử dụng phương pháp EFA để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về Dự án. Các nhân tố được xác định là có ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân được thể hiện qua bảng 3.

Phương pháp chọn mẫu được thực hiện với 6 thôn trong 2 xã Đôn Phong (Nà Vàng, Nà Đán, Bản Chiêng) và Mỹ Thanh (Nà Cà, Khau Ca, Bản Luông).

Tại các thôn, phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên được sử dụng với các hộ. Phỏng vấn hộ sử dụng bảng câu hỏi. Đã sử dụng thang đo Likert, thang 5 mức độ, để lượng hóa các chỉ tiêu về chất này. Câu hỏi được thiết kế để người trả lời có thể dễ dàng lựa chọn các phương án: (1) Hoàn toàn không hài lòng; (2) Không hài lòng; (3) Hài lòng 1 phần; (4) Hài lòng; (5) Hoàn toàn hài lòng.

Nghiên cứu sử dụng hệ số tin cậy Cronbach Alpha để đánh giá độ tin cậy của từng thang đo và thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA để đánh giá giá trị hội tụ và giá trị phân biệt của thang đo. Kết

quả phân tích cho thấy tất cả các thang đo đạt yêu cầu về độ tin cậy và giá trị.

Bảng 3. Giả thiết các nhân tố ảnh hưởng sự hài lòng của người dân về Dự án

Nhân tố ảnh hưởng sự hài lòng của người dân	Ký hiệu	Kết quả
Dân biết	A	Sự hài lòng của người dân
Dân bàn	B	
Dân làm	C	
Dân kiểm tra, giám sát	D	
Dân hưởng lợi	E	

Nguồn: Tác giả

Bảng 4. Kết quả kiểm định sơ bộ các thang đo

Ký hiệu	Các nhân tố và biến quan sát	Hệ số Cronbach Alpha	Tương quan biến tổng
Dân biết (A): $\alpha = 0,749$			
A1	Được cung cấp đủ thông tin	0,710	0,541
A2	Được cung cấp đủ tài liệu	0,667	0,575
A3	Hiểu được phương pháp QLCD	0,619	0,616
Dân bàn (B): $\alpha = 0,758$			
B1	Tham gia đầy đủ cuộc họp lựa chọn danh mục công trình ưu tiên	0,843	0,293
B2	Tham gia đầy đủ các cuộc họp về kế hoạch thực hiện các công trình	0,637	0,679
B3	Tham gia đóng góp ý kiến cho kế hoạch thực hiện các công trình	0,617	0,706
B4	Tham gia đầy đủ các cuộc họp chia sẻ kinh nghiệm khi kết thúc công trình	0,676	0,601
Dân làm (C): $\alpha = 0,869$			
C1	Đồng ý hiến đất, góp công, góp tiền thực hiện các công trình	0,894	0,573
C2	Tham gia thực hiện các công đoạn của các công trình đã được thực hiện	0,807	0,784
C3	Có trách nhiệm cao trong thực hiện các nhiệm vụ được phân công khi lập kế hoạch thực hiện	0,797	0,812
C4	Tham gia tích cực các hoạt động khác khi được phân công thực hiện các công trình trong dự án	0,827	0,734
Dân kiểm tra, giám sát (D): $\alpha = 0,790$			
D1	Tham gia công tác kiểm tra, giám sát quy trình thực hiện các công trình	0,755	0,603
D2	Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động thực hiện từ bước đầu tiên của quy trình	0,608	0,728
D3	Ban giám sát đã làm tốt công tác kiểm tra, giám sát	0,770	0,578
Dân hưởng thụ (E): $\alpha = 0,826$			
E1	Chất lượng các công trình hoàn thành đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của gia đình ông/bà	0,717	0,725
E2	Hoạt động sản xuất của gia đình ông/bà thuận lợi và kết quả được nâng cao	0,709	0,733
E3	Các công trình có cơ chế quản lý, đảm bảo tính bền vững của	0,838	0,600

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	công trình		
Sự hài lòng của người dân (SHL): $\alpha = 0,831$			
SHL1	Hài lòng với chất lượng các công trình đã thực hiện	0,734	0,746
SHL2	Hài lòng với kết quả thực hiện dự án QLCD thực hiện tại địa phương	0,699	0,756
SHL3	Hài lòng với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, nhà tài trợ và cán bộ dự án trong quá trình thực hiện	0,871	0,605

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Phân tích EFA được thực hiện riêng cho các biến phụ thuộc (mức độ hài lòng về Dự án) và thực hiện đồng thời với 17 biến quan sát đo lường 5 biến độc lập. Kết quả EFA cho thấy các thang đo đều đạt

yêu cầu về số nhân tố trích, tổng phương sai trích và hệ số tải.

Về giá trị đóng góp của từng nhân tố và tất cả các nhân tố giải thích được 76,903% về sự hài lòng của người dân. Kết quả phân tích thể hiện qua bảng 5.

Bảng 5. Kết quả phân tích mức độ giải thích của các nhân tố

TT	Giá trị ban đầu			Chiết xuất tổng của tải trọng bình phương			Tổng xoay vòng của tải trọng bình phương		
	Tổng	% của phương sai	% tích lũy	Tổng	% của phương sai	% tích lũy	Tổng	% của phương sai	% tích lũy
1	3,606	21,211	21,211	3,606	21,211	21,211	2,938	17,284	17,284
2	2,849	16,762	37,973	2,849	16,762	37,973	2,254	13,259	30,543
3	2,281	13,418	51,391	2,281	13,418	51,391	2,208	12,988	43,531
4	1,793	10,544	61,936	1,793	10,544	61,936	2,149	12,641	56,172
5	1,424	8,378	70,313	1,424	8,378	70,313	2,060	12,119	68,291
6	1,120	6,590	76,903	1,120	6,590	76,903	1,464	8,612	76,903
7	0,755	4,440	81,343						
8	0,669	3,936	85,279						
9	0,513	3,018	88,297						
10	0,448	2,638	90,935						
11	0,373	2,194	93,129						
12	0,321	1,887	95,015						
13	0,271	1,596	96,612						
14	0,254	1,494	98,106						
15	0,143	0,839	98,945						
16	0,104	0,609	99,554						
17	0,076	0,446	100,000						

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Kết quả phân tích nhân tố cho 6 thành phần thang đo, phương sai tích lũy là 76,903%. Điều này hàm nghĩa là 6 nhân tố giải thích được 76,9% thay đổi về sự hài lòng của người dân đối với Dự án. Ma trận nhân tố xoay cho biết các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,4 (factor loading > 0,4) hay

có 6 nhóm nhân tố với các biến đặc trưng của nhân tố được sắp xếp lại khác với mô hình lý thuyết ban đầu. Đã dựa vào nội dung câu hỏi trong từng nhóm nhân tố để đặt tên lại cho 6 nhóm nhân tố này (Bảng 3). Kết quả phân tích ma trận xoay nhân tố thể hiện qua bảng 6.

Bảng 6. Kết quả phân tích ma trận xoay nhân tố

Biến quan sát	Nhóm nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
C3	0,906					

C2	0,874				
C4	0,861				
C1	0,714				
E1		0,880			
E2		0,859			
E3		0,776			
B3			0,947		
B4			0,944		
D2				0,902	
D1				0,802	
D3				0,791	
A3					0,817
A2					0,802
A1					0,777
B1					0,863
B2					0,697

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Nhân tố quyết định đến sự hài lòng: đã tiến hành kiểm định tính thích hợp (KMO và Bartlett's Test) của số liệu điều tra đối với phân tích khám phá với hệ số tải nhân tố (Factor Loadings) là 0,4. Kết quả kiểm định tính thích hợp của EFA với KMO = 0,636 do đó phân tích nhân tố khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế điều tra được (yêu cầu $0,5 < KMO < 1$). Kiểm định tương quan của các biến quan sát trong thước

đo đại diện với kiểm định Bartlett có Sig. $< 0,05$. Như vậy, các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện. Theo kết quả EFA thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân được sắp xếp lại thành 6 nhân tố (nhân tố mới ký hiệu là A, C, D, E, F, G, H, trong đó nhân tố B cũ được tách thành 2 nhân tố mới là G và H) bao gồm:

Bảng 7. Sắp xếp lại các biến quan sát và đặt lại tên các nhân tố

TT	Nhân tố	Các biến quan sát	Đặt tên nhân tố	Mức độ quan trọng (%)
1	A	A3, A2, A1	Dân biết	27,35
2	D	D2, D1, D3	Dân kiểm tra, giám sát	25,26
3	E	E1, E2, E3	Dân hưởng lợi	21,27
4	G	B3, B4	Dân bàn về dự án	14,38
5	C	C3, C2, C4, C1	Dân làm	7,69
6	H	B1, B2	Dân lập kế hoạch	4,06

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Như vậy, qua kiểm định chất lượng thang đo và các kiểm định của mô hình EFA, đã nhận diện có 6 nhóm nhân tố (6 thang đo) đại diện cho các yếu tố ảnh hưởng và 1 thang đo đại diện cho sự hài lòng của người dân với 17 biến đặc trưng ở bảng 3, được tổng hợp và đặt lại tên, cũng như mức độ quan trọng của từng nhân tố trong mô hình mới.

3.4. Thảo luận

Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của các nhân tố đến mức độ hài lòng của người dân về Dự án

QLCĐ trong Chương trình NTM trên địa bàn huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Cụ thể nghiên cứu đề xuất mô hình với 5 giả thuyết nghiên cứu về sự ảnh hưởng của các nhân tố “Dân biết”, “Dân bàn”, “Dân làm”; “Dân kiểm tra, giám sát”; “Dân hưởng lợi”. Thông qua các kiểm định, có thể khẳng định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân được sắp xếp lại, trong đó:

Nhóm nhân tố A (dân biết các nội dung Dự án thông qua các câu hỏi A3, A2, A1) thể hiện nhận

thức, mức độ hiểu biết của người dân về Dự án ở địa phương, người dân hiểu rõ mục tiêu và quy trình thực hiện của Dự án.

Nhóm nhân tố D (dân kiểm tra, giám sát thực hiện thông qua các câu hỏi D2, D1, D3) thể hiện người dân được kiểm tra, giám sát thực hiện, tức là vai trò kiểm tra của người dân trong quá trình thực hiện Dự án có mức độ ảnh hưởng cao đến sự hài lòng của người dân.

Nhóm nhân tố E (dân hưởng lợi thực hiện thông qua các câu hỏi E1, E2, E3) thể hiện sự người dân trực tiếp thụ hưởng thành quả do chính mình tạo ra để nhìn nhận được những thành công và hạn chế trong quá trình thực hiện, từ đó sẽ rút kinh nghiệm và có nguyên tắc để đảm bảo tính bền vững của các công trình.

Nhóm nhân tố G (dân bàn bạc về Dự án thông qua các câu hỏi B3, B4) thể hiện sự nhiệt tình, đóng góp ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình thực hiện của người dân.

Nhóm nhân tố C (dân làm thể hiện thông qua các câu hỏi C3, C2, C4, C1) thể hiện sự nhiệt tình, trách nhiệm tham gia vào quá trình thực hiện của người dân.

Nhóm nhân tố H (dân lập kế hoạch thể hiện thông qua các câu hỏi B1, B2) thể hiện sự tham gia các cuộc họp lập kế hoạch của người dân về kế hoạch thực hiện nội dung của Dự án, đồng thời người dân được phân công những công việc phù hợp với khả năng, thế mạnh của mình.

Trong quá trình phân tích, từ 5 nhóm nhân tố ban đầu được sắp xếp lại thành 6 nhóm nhân tố, nhân tố được sắp xếp lại là nhân tố dân bàn. Theo như kết quả phân tích từ thông tin khảo sát, các biến quan sát của nhân tố này cần phân chia cụ thể thành 2 nhóm: việc người dân tham gia vào các cuộc họp, thảo luận các vấn đề của các cuộc họp thực hiện trong toàn bộ quá trình thực hiện Dự án từ khi tuyên truyền về nội dung, mục tiêu và kế hoạch thực hiện cũng như tính cấp thiết khi thực hiện Dự án ở địa phương cho đến khi hoàn thành và các cuộc họp để chia sẻ kinh nghiệm thực hiện; tiếp theo là công tác lập kế hoạch thực hiện các tiểu dự án trong quá trình Dự án thực hiện ở địa phương, việc phân công công việc thực hiện cho từng người để người dân có cơ hội thể hiện khả năng của mình một cách tốt nhất. Đây cũng là

những nội dung trọng quan trọng trong quá trình thực hiện và tạo nên thành công của Dự án.

Thông qua các kiểm định, có thể khẳng định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân theo thứ tự tầm quan trọng là 6 nhân tố, trong đó:

Nhân tố A (dân biết), thể hiện nhận thức, mức độ hiểu biết của người dân về Dự án, người dân được biết đầy đủ các thông tin về Dự án, về mục tiêu thực hiện và mức độ tham gia đóng góp và thực hiện của mình là nhân tố quan trọng nhất (chiếm 27,35%);

Nhân tố D (dân kiểm tra, giám sát) người dân là người tự kiểm tra, giám sát các hoạt động trong quá trình thực hiện Dự án có ảnh hưởng cao đến sự hài lòng của người dân (25,26%);

Nhân tố E (dân hưởng lợi) người dân được hưởng lợi từ chính những công trình, dự án mà mình thực hiện. Những công trình này xuất phát từ những nhu cầu, nguyện vọng của người dân nên giải quyết được những khó khăn hiện tại của người dân (21,27%);

Nhân tố G (dân bàn) người dân được bàn bạc mọi kế hoạch hoạt động của Dự án, tập hợp ý kiến của dân đánh giá nhu cầu, xếp hạng và lựa chọn đúng hạng mục ưu tiên (14,38%);

Nhân tố C (dân làm) người dân chủ động và được tham gia vào quá trình thực hiện các công trình trong Dự án (7,69%);

Nhân tố H (dân lập kế hoạch) người dân sau khi bàn bạc về mọi kế hoạch hoạt động của Dự án, chính người dân sẽ lập kế hoạch để thực hiện phù hợp với năng lực và thời gian sẵn có (4,06%).

Để công tác xây dựng NTM tại địa phương nói chung và thực hiện Dự án nói riêng có ý nghĩa tích cực, người dân cần được tuyên truyền nhằm nắm bắt được ý nghĩa, mục tiêu của công tác này trước, trong và sau khi thực hiện. Song song với quá trình thực hiện Dự án và xây dựng NTM, cần tạo điều kiện, cơ hội cho mọi tầng lớp người dân được tham gia vào quá trình kiểm tra, giám sát khi thực hiện Dự án. Các dự án thực hiện ở các địa phương trong Chương trình NTM đều để phục vụ cho nhu cầu của người dân, nên chú trọng tập hợp ý kiến của dân đánh giá nhu cầu, xếp hạng và lựa chọn đúng hạng mục ưu tiên. Từ đó, huy động sự tham gia đóng góp và thực hiện của người dân khi thực hiện một số hoạt động của

Chương trình NTM và thực hiện Dự án sẽ trở lên dễ dàng hơn.

4. KẾT LUẬN

Sự hài lòng của người dân và các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về Dự án được thực hiện thông qua khảo sát 105 hộ tại 6 thôn của 2 xã Đôn Phong và Mỹ Thanh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, người dân rất hài lòng về Dự án QLCD trong Chương trình NTM ở địa phương. Có 6 nhóm nhân tố ảnh hưởng (có ý nghĩa thống kê) đến sự hài lòng của người dân, trong đó tự thực hiện, thụ hưởng, đánh giá và kiểm tra của người dân tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của họ đối với Dự án. Đã tìm thấy mối quan hệ chặt chẽ nhất giữa sự đóng góp, thực hiện và sự hài lòng. Điều này cho thấy người dân đã thật sự nhận thức trách nhiệm đóng góp về công sức và vật chất của mình trong xây dựng NTM ngay trên địa bàn mình sinh sống nói chung và trong quá trình thực hiện Dự án nói riêng. Từ kết quả này, đã đề xuất cần nâng cao hơn nữa sự am hiểu của

người dân về Chương trình NTM và tăng cường sự tham gia của họ trong mọi hoạt động của chương trình, từ lập kế hoạch, thực hiện các công trình đến công tác đánh giá, kiểm tra trước, trong và sau quá trình thực hiện Dự án để có thể áp dụng rộng rãi phương pháp này trong quá trình thực hiện Chương trình NTM trong thời gian tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2016). Nghị định số 161/2016/NĐ-CP về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020.
2. DWC (2021). Báo cáo thực hiện Dự án Quản lý cộng đồng trong Chương trình nông thôn mới.
3. Nunnally & Bernstein (1994). The Assessment of Reliability. Psychometric Theory, 248-292.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

ASSESSMENT OF PEOPLE'S SATISFACTION ON THE PROJECT OF COMMUNITY MANAGEMENT IN THE NEW RURAL PROGRAM IN BACH THONG DISTRICT, BAC KAN PROVINCE

Doan Thi Han

Summary

The project of community management in the new rural program is funded by BFDW. The aim of the project is to build the self-management capacity of local people in identifying and solving local development problems. Bach Thong is a mountainous district of Bac Kan province. The project has been implemented in 6 villages of 2 communes My Thanh and Don Phong of the district. When implementing the Project, it is mainly to build constructions, they have small-scale infrastructure works, simple techniques..., with nearly 3,500 people benefiting from the Project. To assess the satisfaction of the people about the Project, the article used the EFA method. The analysis results show that, the factors greatly affect the satisfaction of the people: People are fully informed about the Project; people check and supervise activities during implementation; People benefit from the works and sub-projects that they contribute and implement. Next, people are allowed to discuss issues to implement, people are actively involved in the implementation process; It is the people themselves who will make a plan to do it suitable for their capacity and resources.

Keywords: *People's satisfaction, new rural, community management.*

Người phản biện: TS. Dương Ngọc Thí

Ngày nhận bài: 26/7/2021

Ngày thông qua phản biện: 27/8/2021

Ngày duyệt đăng: 6/9/2021